HÄFELE

GERMAN QUALITY SINCE 1923

ALUMINIUM SOLUTIONS

2023 - 2024

HÄFELE - WHERE TRUST WAS BUILT FROM COMPETENCE.

H NI NNG C NN NIM IN.



Founded in Germany in 1923, Häfele is a renowned provider of smart home and project solutions with 150 subsidiaries and sales offices around the world. Häfele's superior range of products which exemplifies German quality standards is developed with the philosophy of "functionality" and "easiness" in mind to be reliable solutions for both professionals and consumers.

Since the establishment in Vietnam in 1998, Häfele has been
continuously improving and expanding its products and services, making the key components of Vietnamese homes - door security, kitchen, wardrobe, and bathroom - much more efficient spaces.

As Häfele celebrates its 100th birthday in 2023, the Häfele Group is looking forward with great confidence, ambitious plans, and stronger than ever commitments to maintaining the guaranteed seal of the German quality benchmark. In Vietnam,
Häfele looks to be the trusted provider for complete home solutions of the German quality for Vietnamese people.

Đ Đ H

. K

Đ H

Đ V N H

V N

K
H

Đ . V N

H
Đ V .

OUR ADVANTAGES ARE YOUR BENEFITS.

I H CA CHNG ÔI À I CH CA N.

V

With almost a century of experience and expertise knowledge, Häfele has been trusted by many famous architects, designers, contractors, and developers around the world, when it comes to smart home and project solutions. In Vietnam, Häfele has too established our name as a reliable solution provider among professionals across the sectors of architecture, furniture, and real estate.

H

. V N H

.

GERMAN QUALITY SINCE 1923
CHẤT LƯỢNG ĐỨC. TỪ NĂM 1923.

G MAN AI CH NG ĐC
Häfele's solutions are developed with German technologies and quality standards to be of the highest functionality, offering you easiness that will translate into efficiency.

Đ

Đ

Đ H

.

AVAIA M S CK C HÀNG GIA NGA

As Häfele boasts large distribution centers around Vietnam, almost everything you need is ready for order.

S V
N

.

FAST DELIVERY

AS IV GIA HÀNG NHANH CH NG

Door-to-door service. With speed.

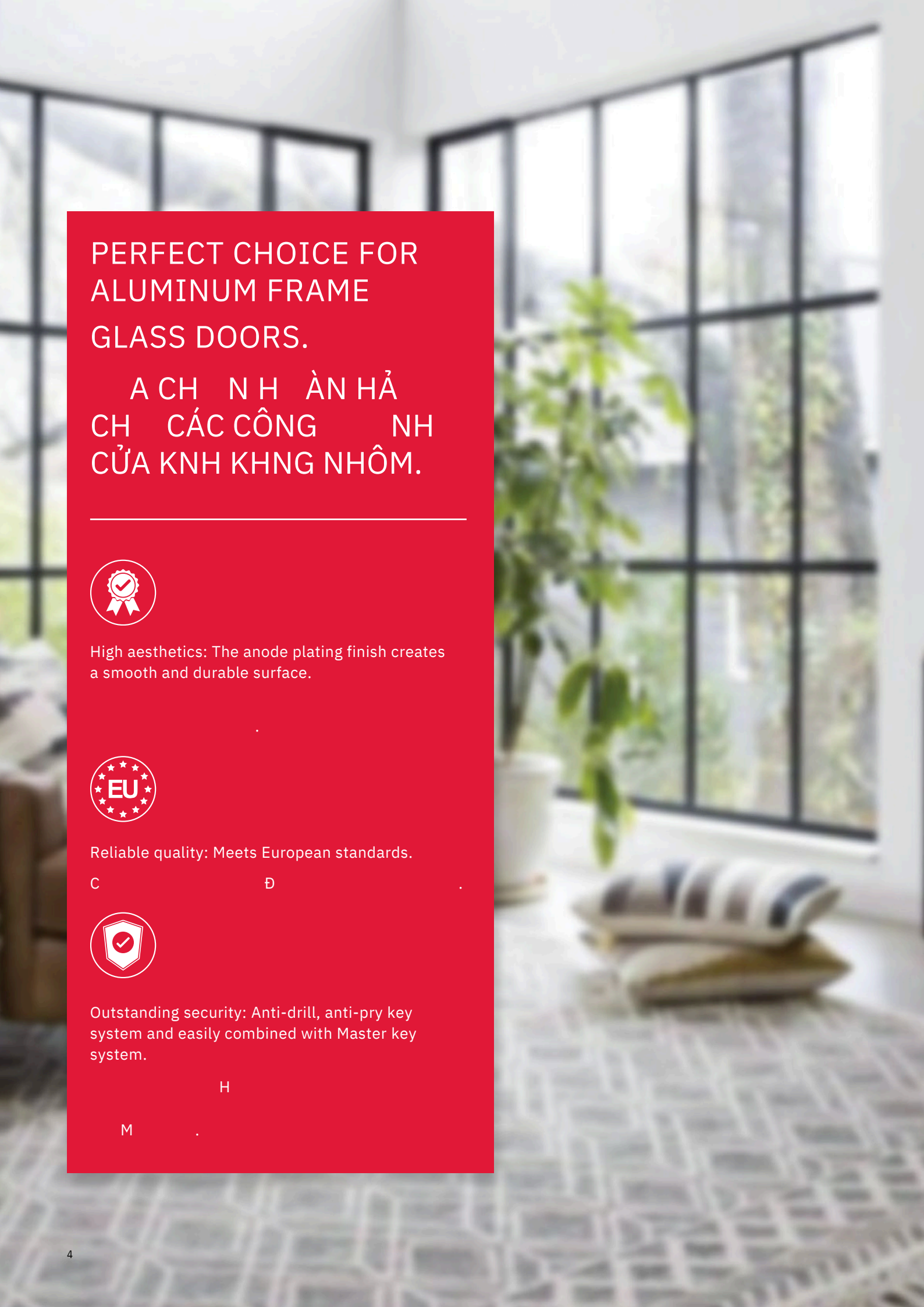
.

AI MA S INS
GIẢI PHÁP Đ C HI K ING

Häfele's solutions come with huge customizability to be perfectly suited for every different need.

N H

.



PERFECT CHOICE FOR ALUMINUM FRAME GLASS DOORS.

A CH N H ÀN HẢ CH CÁC CÔNG NH CỬA KNH KHNG NHÔM.

High aesthetics: The anode plating finish creates a smooth and durable surface.

.

Reliable quality: Meets European standards.

C Đ .

Outstanding security: Anti-drill, anti-pry key system and easily combined with Master key system.

H

M .

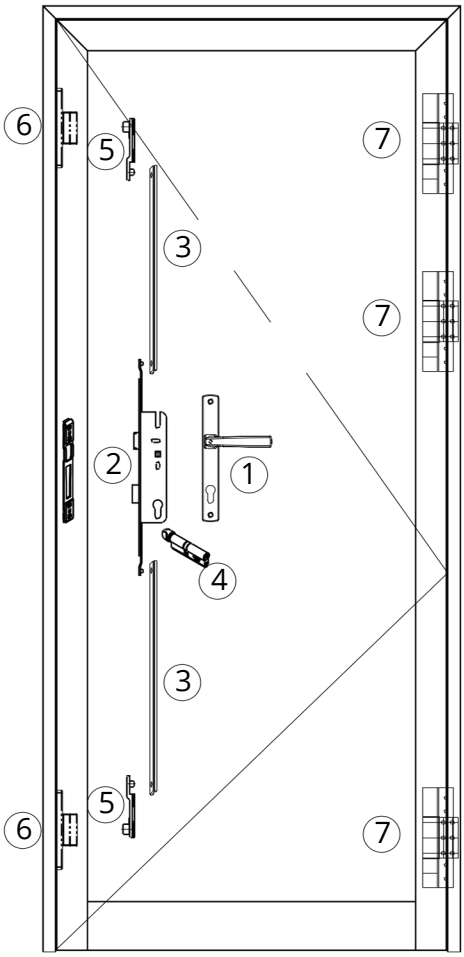


HÄFELE
GERMAN QUALITY SINCE 1923

DOOR SOLUTIONS GIẢI PHÁP CHO CỬA ĐI

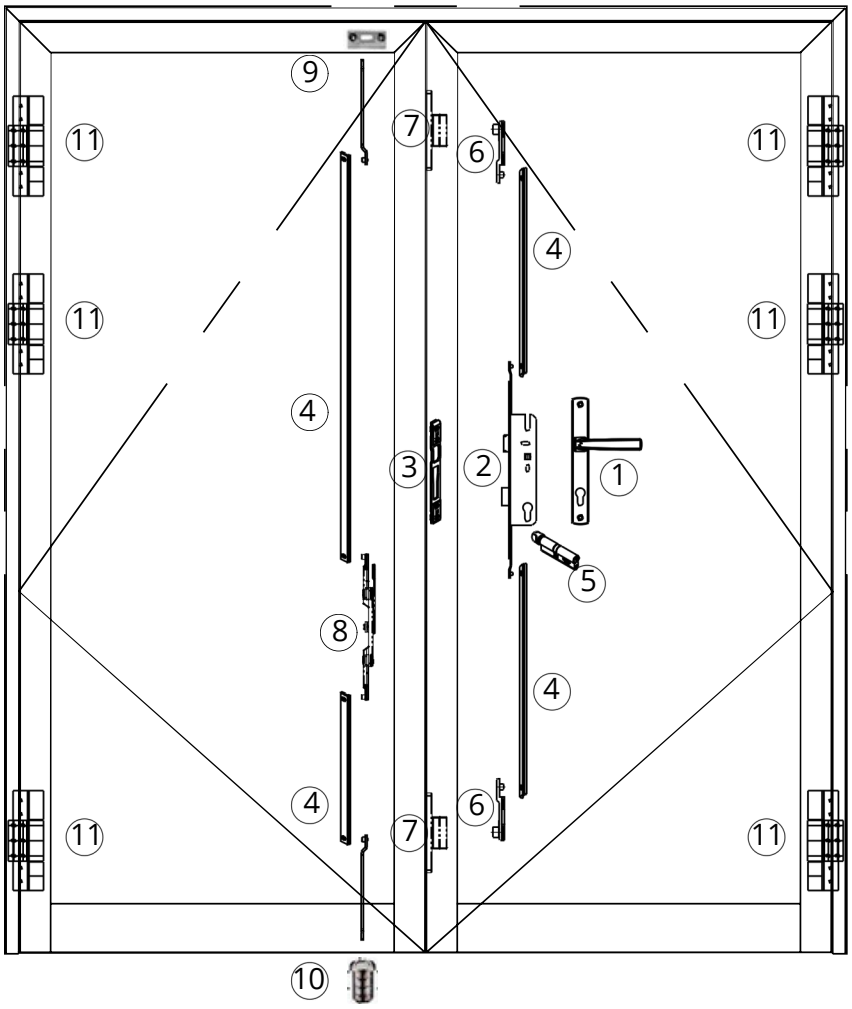


SINGLE SWING DOOR CỬA ĐI MỞ XOAY 1 CÁNH



Typical planning for single swing door Phương án điển hình cho cửa đi mở xoay 1 cánh			
Art. No. M	Description M	Unit Đ	Quantity S 1
905.99.62	! H C H C	p	1 2
6	" Multi locking point lock	a	1 2
911.50.91	§ C $ P % Locking point	i	2 3
2	Đ & Lock keeper V /	r	
972.05.06	Hinge (Sash-Frame)	p	
0		c	
916.96.53	C K	s	
5		m	
911.50.91		p	
9		c	
911.50.92		s	
0		p	
926.98.74		c	
0		s	
		p	
		c	
		s	
		p	

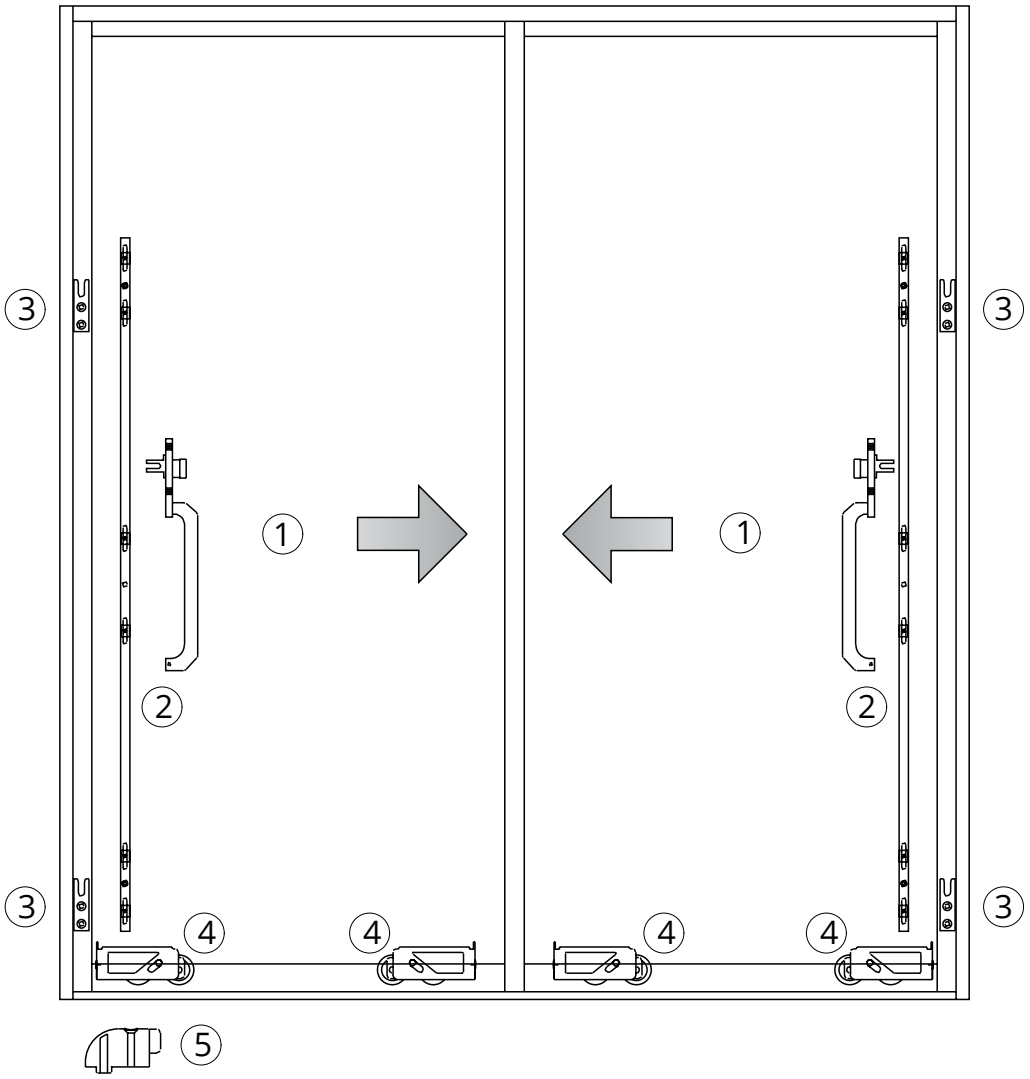
DOUBLE SWING DOOR CỬA ĐI MỞ XOAY 2 CÁNH



Typical planning for double swing door Phương án điển hình cho cửa đi mở xoay 2 cánh			
Art. No. M	Description M	Unit Đ	Quantity S
905.99.62	! H C H C	p	1
6	" Multi locking point lock	a	1
911.50.91	§ Mortise lock	i	1
2	$ C % P & Locking	r	4
911.38.21	point Đ / Lock keeper	p	.
0	V	c	5
972.05.06		s	1
0	(Flush bolt C	p	2
916.96.53	) Frame striker H	c	2
5	* N	s	1
911.50.91	+ Hinge (Sash-Frame) C K	m	1
9		p	1
911.50.92		c	6
2		s	
911.81.35		p	
6		c	
911.81.35		s	
7		p	

We reserve the right to alter specifications without notice.

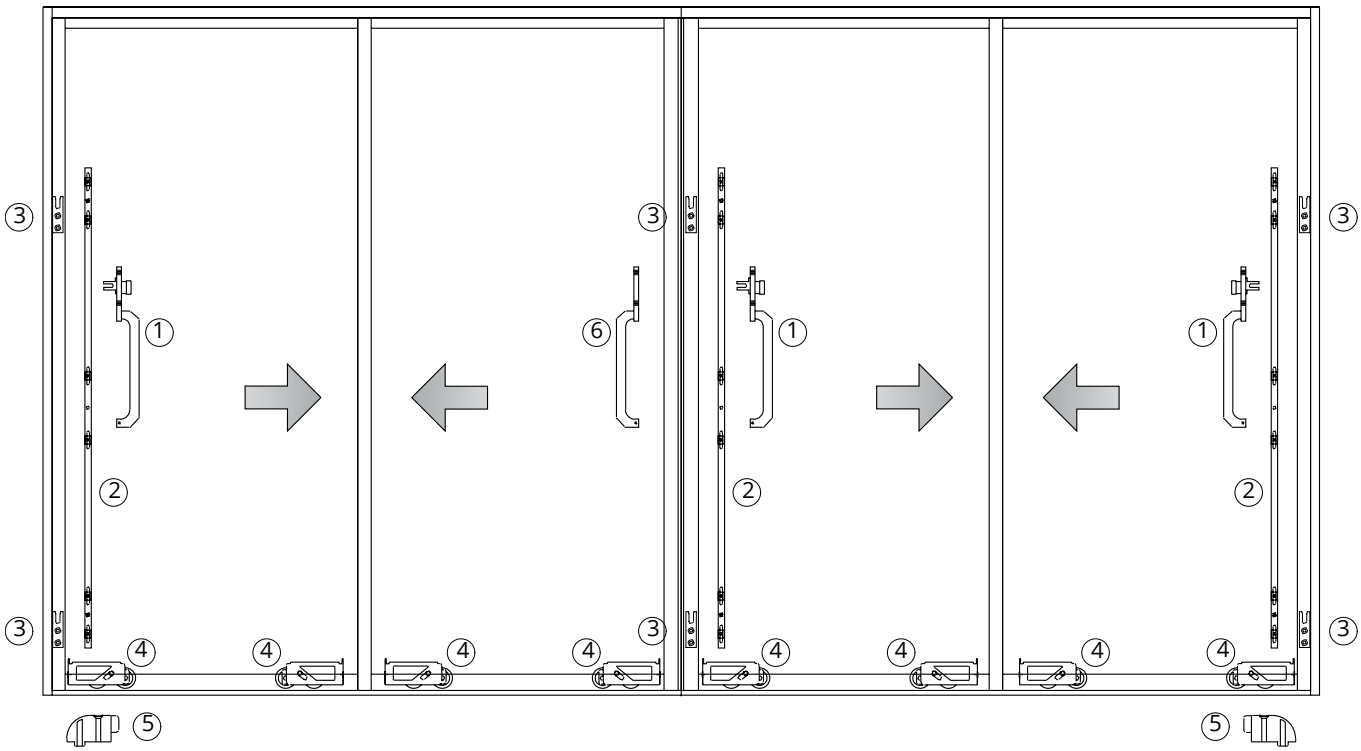
SLIDING DOOR 2 PANELS CỬA ĐI TRƯỢT 2 CÁNH



Typical planning for sliding door 2 panels
Phương án điển hình cho cửa đi trượt 2 cánh

Art. No. M	Description M	Unit Đ	Quantity S
904.00.57 2	! P H H	pcs pcs	2 2
911.50.92 7	" Multi point connecting rod (for sliding door) § Striking plate (for sliding door) M	pcs pcs	4 4
911.50.92 5	$ % Sash stop device C	pcs	1
941.03.10 1			
926.98.79 9			

SLIDING DOOR 4 PANELS CỬA ĐI TRƯỢT 4 CÁNH



Typical planning for sliding door 4 panels Phương án điển hình cho cửa đi trượt 4 cánh			
Art. No. M	Description M	Unit Đ	Quantity S
904.00.57	! P H H	p	3
2	" Multi point connecting rod (for sliding door)		3
911.50.92	§ Striking plate (for sliding door) M	s	6
7	$	p	8
911.50.92	% Sash stop device C	c	2
5	&P H C H C	s	1
941.03.10		p	
1		c	
926.98.79		s	
9		p	
904.00.70		c	
8		s	
		p	
		c	
		s	
		p	
		c	
		s	

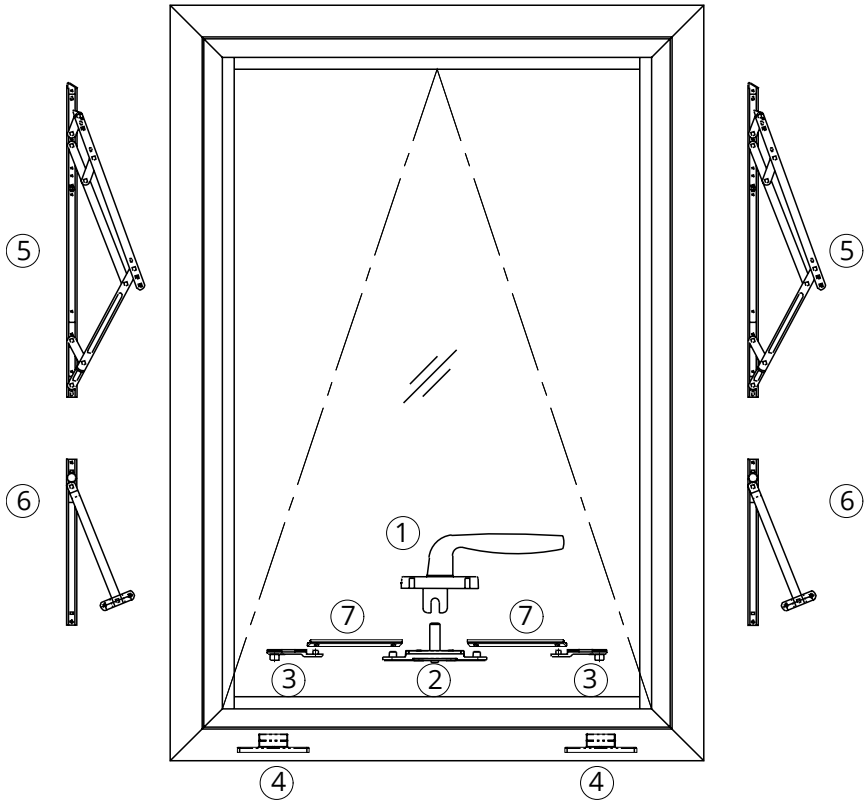
We reserve the right to alter specifications without notice.



WINDOW SOLUTIONS GIẢI PHÁP CHO CỬA SỔ

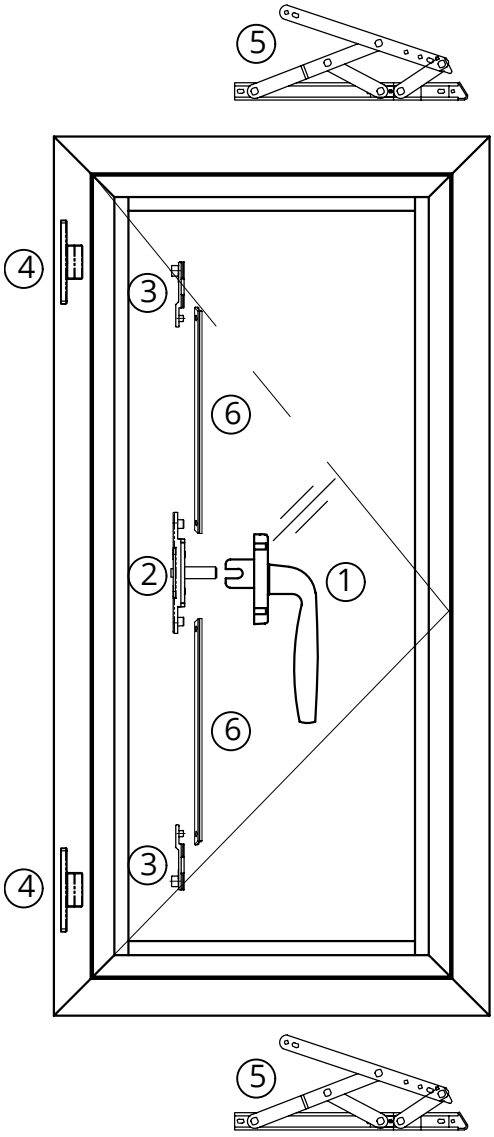


TOP HUNG WINDOW CỬA SỔ MỞ HẤT



Typical planning for top hung window Phương án điển hình cho cửa sổ mở hất			
Art. No. M	Description M	Unit Đ	Quantity S 1
974.31.412	! Window handle HL859 H	p	1 2
911.50.918	" C	c	2 1
911.50.923	§ Locking point Đ	s	1
911.50.920	$ Lock keeper V	p	0 . 6
972.05.364	% Friction stay A	c	
972.05.412	& Limitation arm	s	
972.05.060	/ C	p	
		c	
		s	
		p	
		c	
		s	
		p	
		a	
		i	
		r	
		p	
		a	

SINGLE SIDE HUNG WINDOW CỬA SỔ MỞ XOAY 1 CÁNH

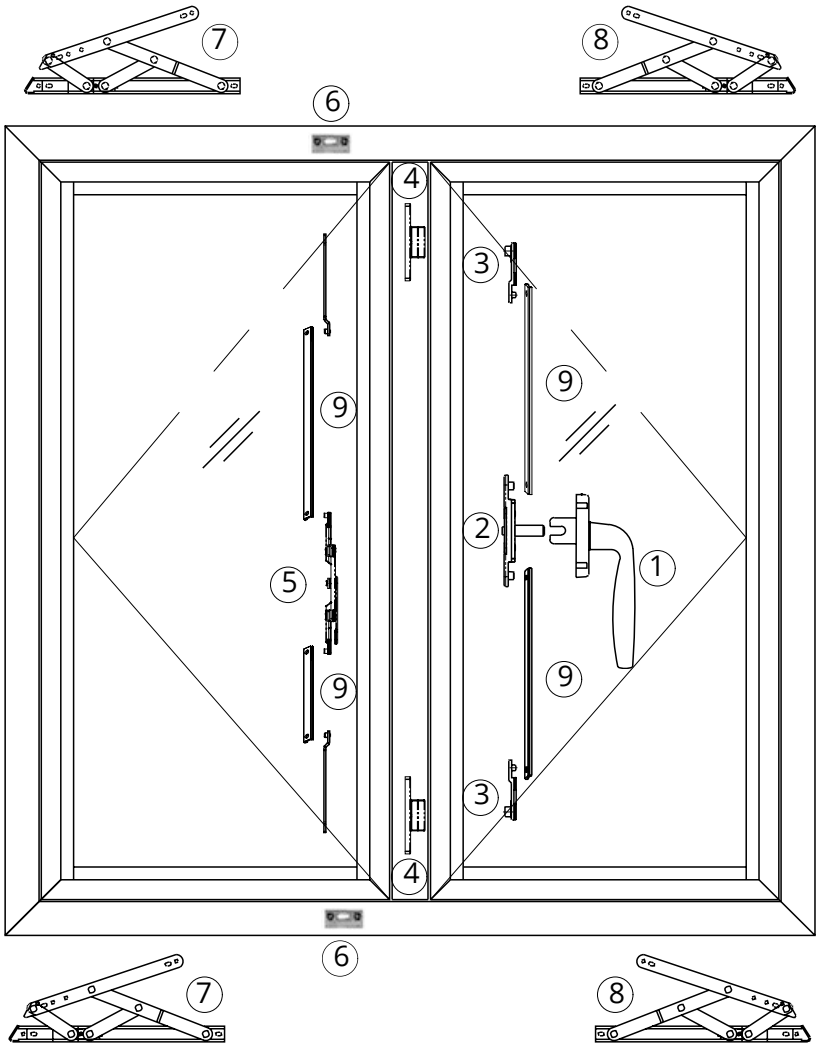


Typical planning for single side hung window
Phương án điển hình cho cửa sổ mở xoay 1 cánh

Art. No. M	Description M	Unit Đ	Quantity S
974.31.412	! Window handle HL8H59	p	1
911.50.918	" C	c	1
911.50.923	§ Locking point Đ	s	2
911.50.920	$ Lock keeper V	p	2
972.05.372	% Friction stay - Right A P	c	1
972.05.060	& C	s	1
		p	
		c	
		s	
		p	
		c	
		s	
		p	
		a	
		i	
		r	
		m	

We reserve the right to alter specifications without notice.

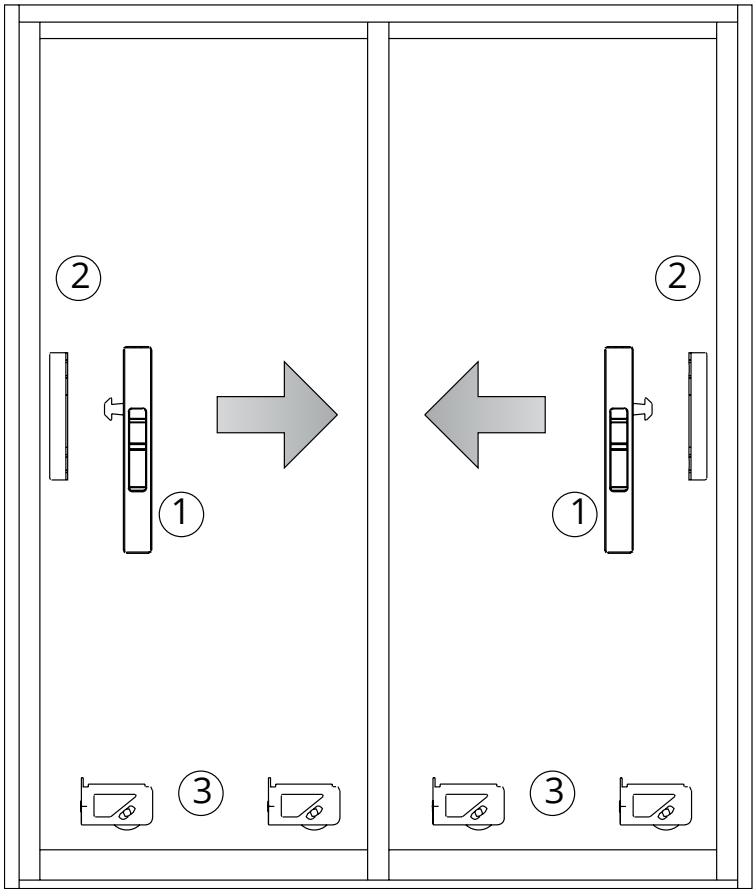
DOUBLE SIDE HUNG WINDOW CỬA SỔ MỞ XOAY 2 CÁNH



Typical planning for double side hung window
Phương án điển hình cho cửa sổ mở xoay 2 cánh

Art. No. M	Description M			Unit Đ	Quantity S 1
974.31.412	! Window handle HL859		H	p	1 2
911.50.918	" C			c	2 1
911.50.923	§ Locking point Đ			s	2 1
911.50.920	$ Lock keeper V			p	1 2
911.81.356	% Flush bolt C			c	
911.81.357	& Frame striker H			s	
972.05.371	/ Friction stay - Left	A		p	
972.05.372	(Friction stay - Right	A	P	c	
972.05.060	) C			s	
				p	
				c	
				s	
				s	
				e	
				t	
				p	
				c	
				s	
				p	

SLIDING WINDOW CỬA SỔ TRƯỢT



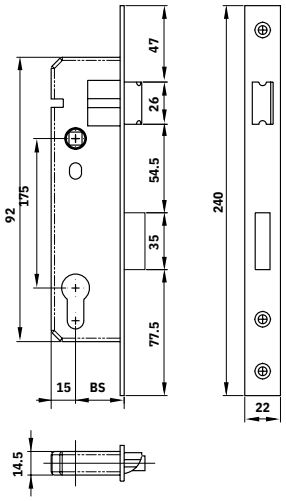
Typical planning for sliding window Phương án điển hình cho cửa sổ trượt			
Art. No. M	Description M	Unit Đ	Quantity S
904.00.55	! Flush handle HL2152AA	p	2
2	" Striking plate (for sliding window) M	c	2
911.38.21	§ S	s	4
2	Tongue for Flush handle with L=40mm	p	2
941.03.10		c	
0		s	
941.03.20		p	
0		c	
		s	
		p	
		c	
		s	

We reserve the right to alter specifications without notice.



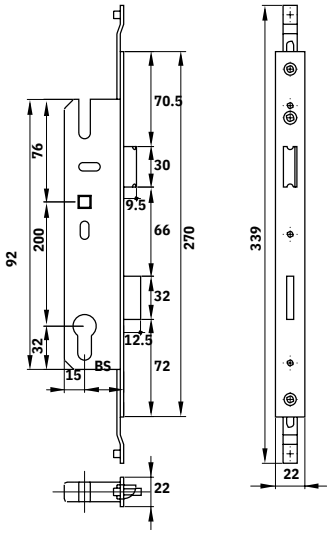
LOCKING SYSTEMHỆ THỐNG KHÓA





Mortise lock / Thân khóa					
Description M	Backset (mm	C/C (mm)	Material V	Finish H	Art. No. M 911.27.26
Single locking point lock	) 30 35 40	92	S S M S S	Satin stainless steel I	5 911.27.26 6 911.27.26 7



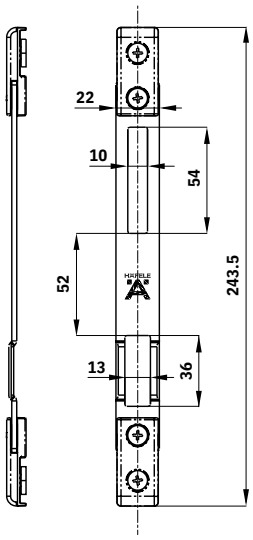


Mortise lock / Thân khóa					
Description M	Backset (mm	C/C (mm)	Material V	Finish H	Art. No. M 911.50.91
Multi locking point lock	) 30 35 40	92	S S M S S	Satin stainless steel I	2 911.50.91 3
S M P Đ			.	·	911.50.91 4

We reserve the right to alter specifications without notice.

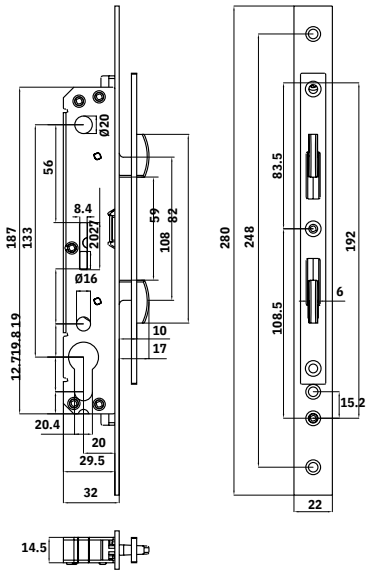
LOCKING SYSTEMHỆ THỐNG KHÓA





Striking plate / Mặt nạ thân khóa			
Description M	Material V	Finish H	Art. No. M
S t r i k i n g p l a t e M	S U S 3 0 4 Inox 304	Satin stainless steel I	911.38.210
S P Đ	.	.	



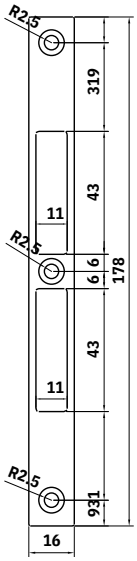


Mortise lock / Thân khóa				
Description M	Backset (mm)	Material V	Finish H	Art. No. M
S l i d i n g d o o r m o r t i s e l o c k	20	S S M S S	Satin stainless steel I	911.27.045
S M P Đ		.		.

K .

LOCKING SYSTEMHỆ THỐNG KHÓA





Striking plate / Mặt nạ thân khóa			
Description M	Material V	Finish H	Art. No. M
S t r i k i n g p l a t e M	S t a i n l e s s Inox	S a t i n M	911.38.213

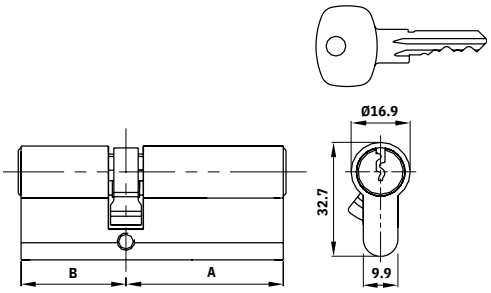


We reserve the right to alter specifications without notice.

PROFILE CYLINDER RUỘT KHÓA



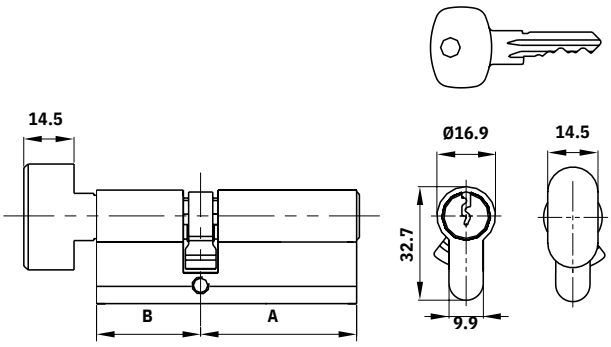




Double profile cylinder / Ruột khóa 2 đầu chìa						
Length A (mm) C A		Length B (mm) C		Length B (mm) C	Material V	Finish H M
45		30			Đ	Satin nickel N P Đ	916.96.735





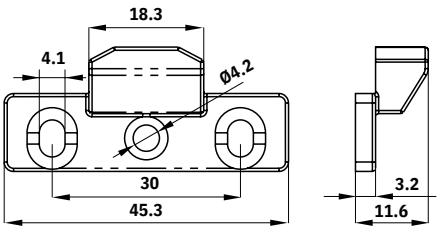


Profile cylinder with oval thumbturn / Ruột khóa một đầu chìa, một đầu vặn oval						
Length A (mm) C A		Length B (mm) C		Length B (mm) C	Material V	Finish H Art. No. M
3		4			Đ	Satin nickel N	916.96.53
0		5					0
4	Đ	3					916.96.53
5		0					5
P							

K

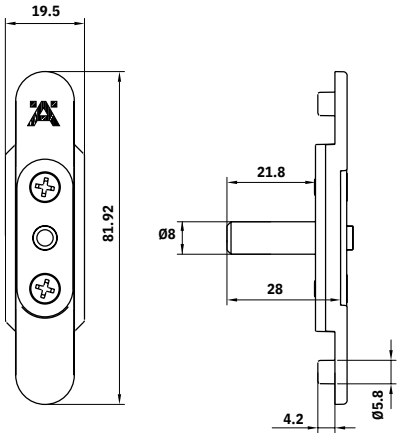
LOCKING POINT ĐIỂM KHÓA





Locking point for 1 door / Điểm khóa 1 cánh			
Description M	Material V	Finish H	Art. No. M
L o c k k e e p e r V	Zinc alloy H	S a t i n n i c k e l M	911.50.920
P Đ			



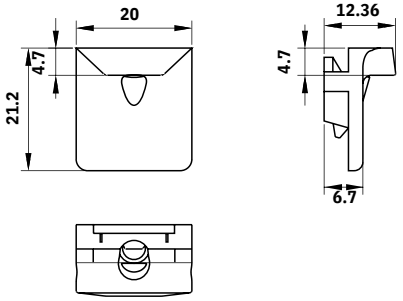


Locking point / Điểm khóa			
Description M	Material V	Finish H	Art. No. M
C	Zinc alloy H	S a t i n n i c k e l M	911.50.918
P Đ			

We reserve the right to alter specifications without notice.

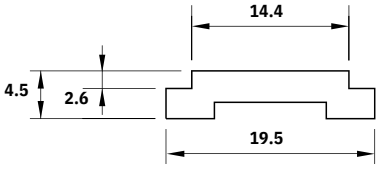
LOCKING POINT ĐIỂM KHÓA





Locking point for 2 doors / Điểm khóa 2 cánh			
Description M	Material V	Finish H	Art. No. M
Lock keeper V	Zinc alloy H	Satin nickel M	911.50.922

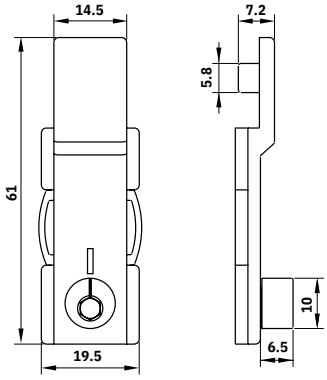




Locking point / Điểm khóa		
Description M	Groove (mm) K	Art. No. M
C	15 - 20	972.05.060

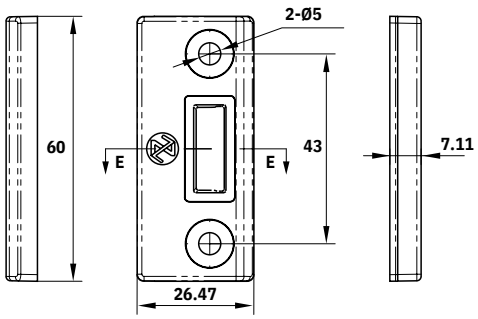
LOCKING POINT ĐIỂM KHÓA





Locking point / Điểm khóa			
Description M	Material V	Dimension A (mm) K A	Art. No. M
L o c k i n g p o i n t Đ	Zinc alloy H	6 . 5 1 0	911.50.919 911.50.923



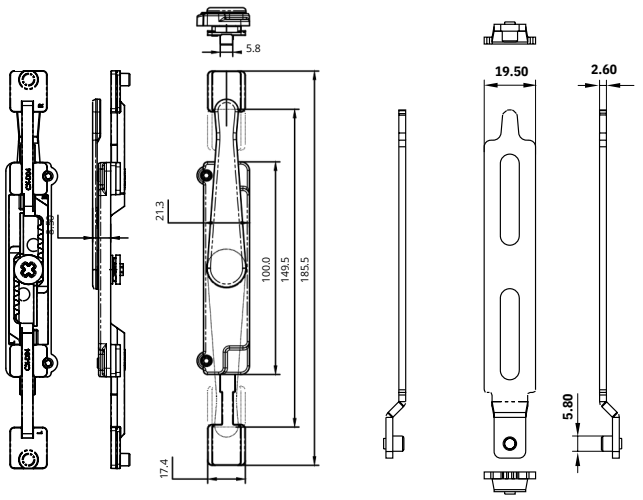


Locking point / Điểm khóa			
Description M	Material V	Finish H	Art. No. M
F r a m e s t r i k e r H	Zinc alloy H	S a t i n M	911.81.357

We reserve the right to alter specifications without notice.

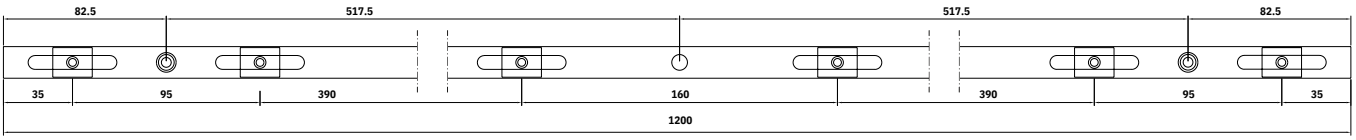
LOCKING POINT ĐIỂM KHÓA





Locking point / Điểm khóa			
Description M	Material V	Finish H C M	Art. No. M
F l u s h b o l t C	S S H I	S M	911.81.356



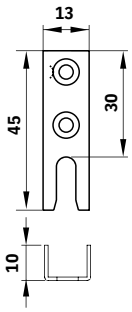




Locking point / Điểm khóa			
Description M	Material V	Length (mm) C	Art. No. M
M u l t i p o i n t c o n n e c t i n g r o d (f o r s l i d i n g d o o r)	A l u m i n i u m Nhôm	1 2 0 0	911.50.927

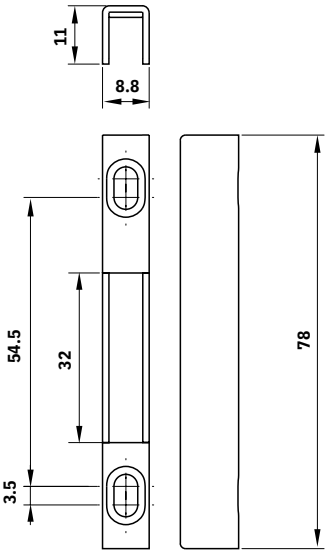
LOCKING POINT ĐIỂM KHÓA





Locking point / Điểm khóa			
Description M	Material V	Finish H	Art. No. M
Striking plate (for sliding door) M	SUS201	C	911.50.925



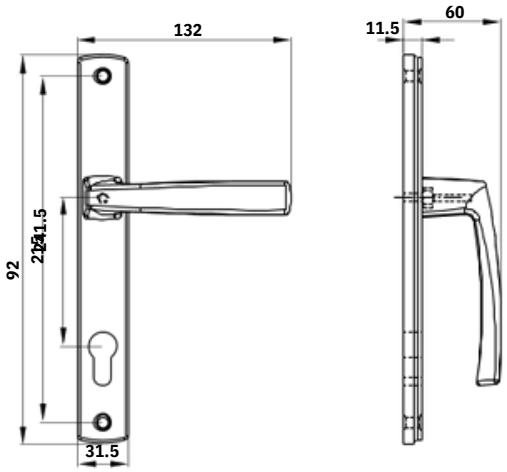


Locking point / Điểm khóa			
Description M	Material V	Finish H	Art. No. M
Striking plate (for sliding window) M	SUS201	C	911.38.212

We reserve the right to alter specifications without notice.

HANDLE TAY NẮM





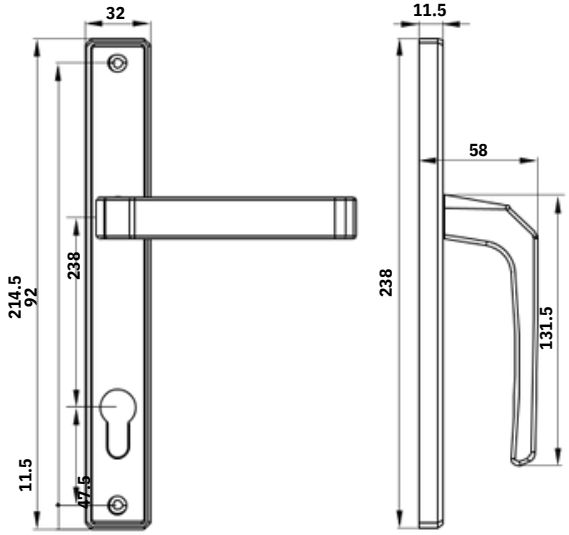
Handle / Tay nắm						
Description M	C/C (mm)	Spindle (mm)	Material V	Finish H		Art. No. M
H H C H C	92	8x8	Aluminium Nhôm	A C A A G		905.99.626 905.99.627 905.99.629



Handle / Tay nắm						
Description M	C/C (mm)	Spindle (mm)	Material V	Finish H		Art. No. M
Lever handle on backplate HL949ED-92 H	92	8x8	Aluminium Nhôm	A C A A G		905.99.301 905.99.302 905.99.304

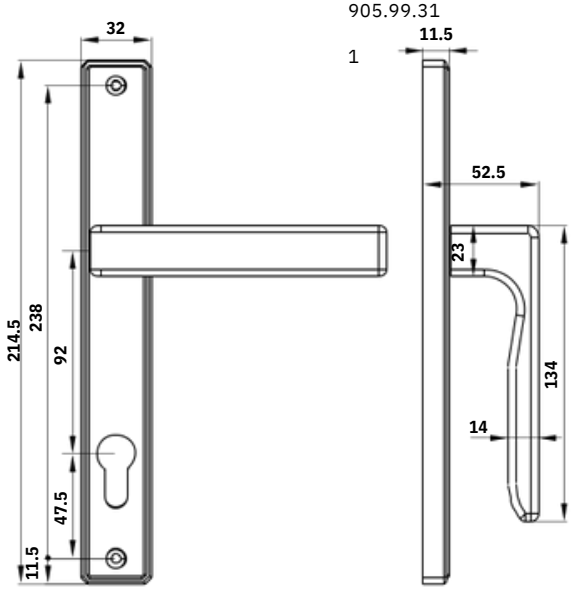
HANDLE TAY NẮM





Handle / Tay nắm					
Description M	C/C (mm)	Spindle (mm)	Material V	Finish H	Art. No. M
Lever handle on backplate HL949ID-92 H I	92	8x8	Aluminium Nhôm	A C A A G	905.99.30 8 905.99.30 9 905.99.31 1



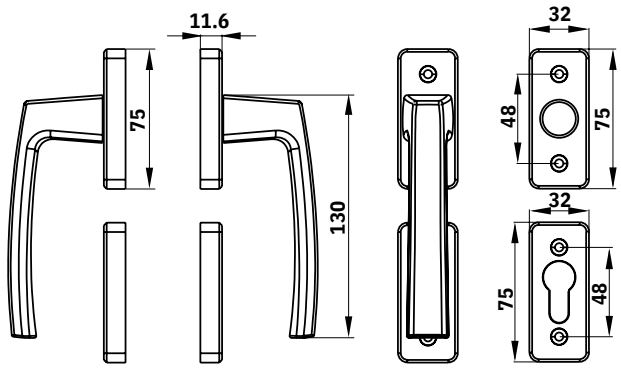


Handle / Tay nắm					
Description M	C/C (mm)	Spindle (mm)	Material V	Finish H	Art. No. M 905.99.31
Lever handle on backplate HL949KD-92 H K	92	8x8	Aluminium Nhôm	A C A A G	5 905.99.31 6
S P Đ	.		.		905.99.31 8

We reserve the right to alter specifications without notice.

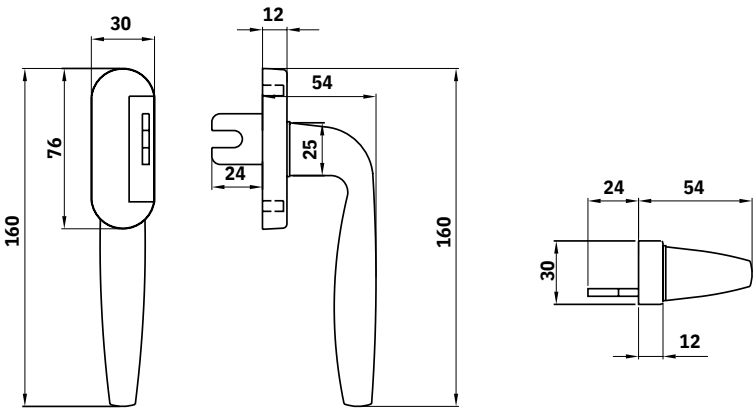
HANDLE TAY NẮM





Handle / Tay nắm				
Description M	Spindle (mm)	Material V	Finish H	Art. No. M
Lever handle HL949D H	8x8	Aluminium Nhôm	A C	905.99.638
			A	905.99.639
			A G	
S P Đ				905.99.641





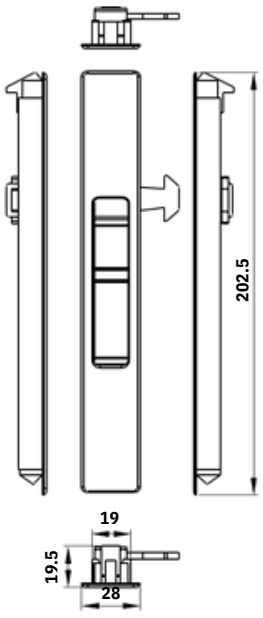
Handle / Tay nắm			
Description M	Version P	Finish H	Art. No. M
Window handle HL859 H	Fork N	A C	974.31.412
		A	974.31.413
		A G	
S P Đ			974.31.415

HANDLE TAY NẮM



Handle / Tay nắm				
Description M	Version P	Finish H		Art. No. M
Window handle HL949EW H	Fork N	A A A	C G	974.31.23 2 974.31.23 3
S P Đ	.	.		974.31.23 5



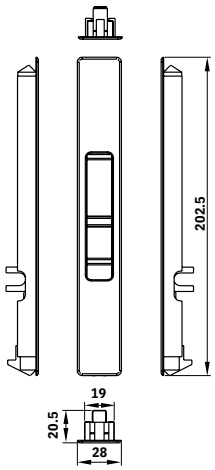


Handle / Tay nắm					
Description M	Version P	Material V	Finish H		Art. No. M
Flush handle HL252A H A	Tongue - auto lock	Aluminium Nhôm	A A A	C G	904.00.55 2 904.00.55 3
Tongue for Flush handle with L=40mm	-	Stainless steel Inox	Satin M		941.03.200 904.00.55 5

We reserve the right to alter specifications without notice.

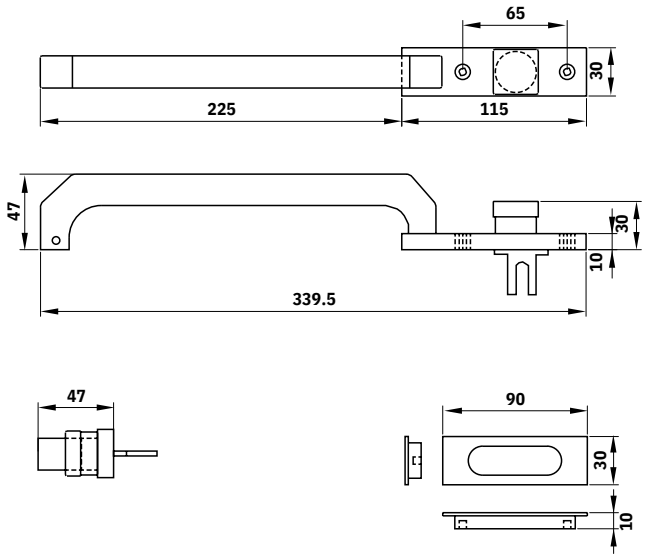
HANDLE TAY NẮM





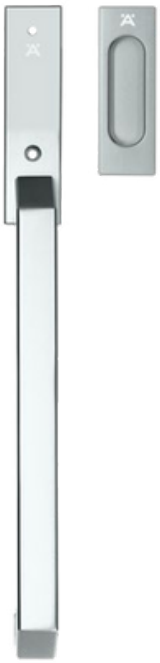
Handle / Tay nắm			
Description M	Version P	Finish H	Art. No. M
Flush handle HL252A-FORK H A K	Fork - Manual lock N K	A C	904.00.562
		A	904.00.563
		A G	904.00.565

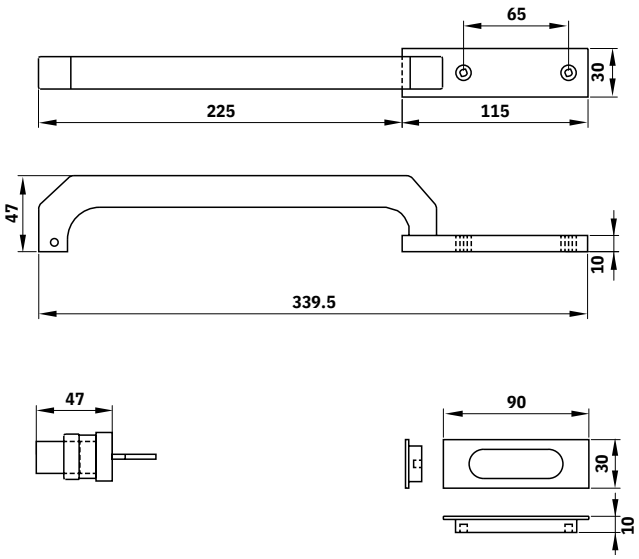




Handle / Tay nắm			
Description M	Version P	Finish H	Art. No. M
P H H	Fork - Manual lock N K	A C	904.00.572
		A	904.00.573
		A G	904.00.575
S P Đ			

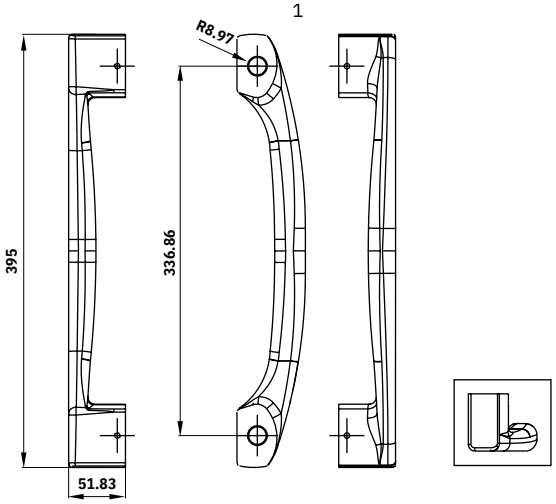
HANDLE TAY NẮM





Handle / Tay nắm			
Description M	Version P	Finish H	Art. No. M
P H C H C	Without fork - Manual lock K K	A C	904.00.70
		A	8
		A G	904.00.70
S P Đ	.		9 . 904.00.71 1



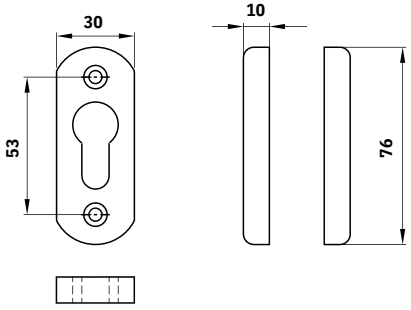


Handle / Tay nắm			
Description M		Finish H	Art. No. M 904.00.61
P H H		A C	2
		A	904.00.61
		A G	3
P Đ			904.00.61 5

We reserve the right to alter specifications without notice.

HANDLE TAY NẮM

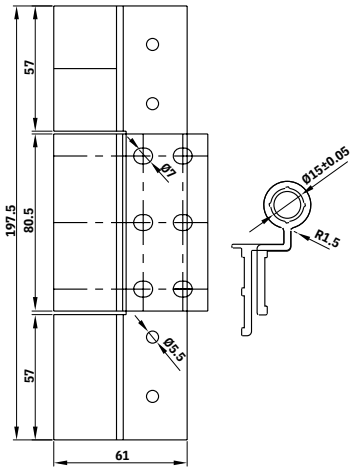




Handle / Tay nắm			
Description M		Finish H	Art. No. M
		A C	905.59.04 0
Escutcheon (used with handle HL1005D) N H		A	905.59.04 1
		A G	905.59.04 3

HINGE BẢN LỀ



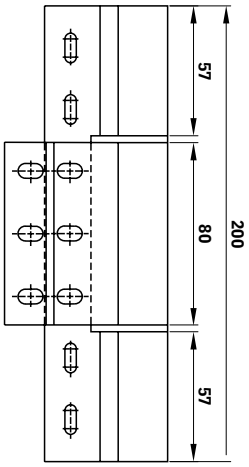


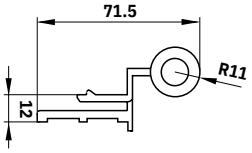
Hinge (Sash-Frame) / Bản lề (Cánh-Khung)				
Description M	Material V	Finish H		Art. No. M
		A	C	926.98.74 0
M . C	Aluminium Nhôm	A		926.98.73 0
		A	G	
S H . P Đ				926.98.75 0

K .

HINGEBẢN LỀ

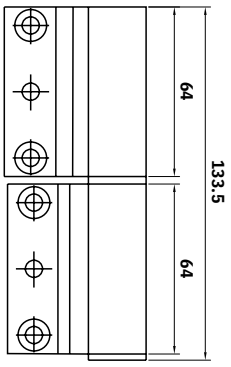


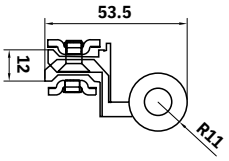




Hinge (Sash-Sash) / Bản lề (Cánh-Cánh)			
Description M	Material V	Finish H	Art. No. M
M . C	Aluminium Nhôm	A C	926.98.74 1
		A	926.98.73
		A G	1
			926.98.75 1





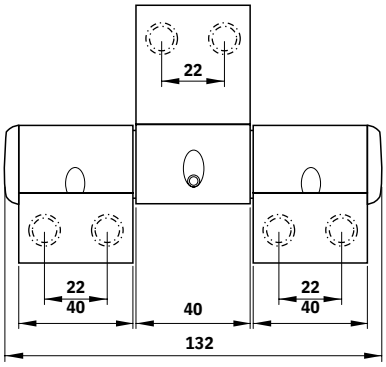


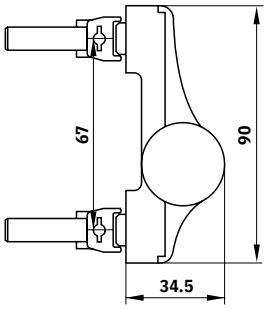
Hinge / Bản lề rãnh C			
Description M	Material V	Finish H	Art. No. M
Max. door weight with 3 hinges 90kg C	Aluminium Nhôm	A C	926.98.74
		A	2
		A G	926.98.73
S H . P Đ			2 926.98.75 2

We reserve the right to alter specifications without notice.

HINGEBẢN LỀ





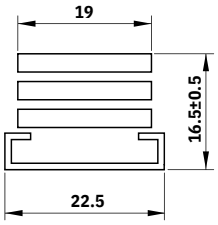


Domina hinge 3 parts			
Description M	Material V	Finish H	Art. No. M
Max. door weight with 3 hinges C	Aluminium Nhôm	A	● 926.98.702
S H . P Đ			

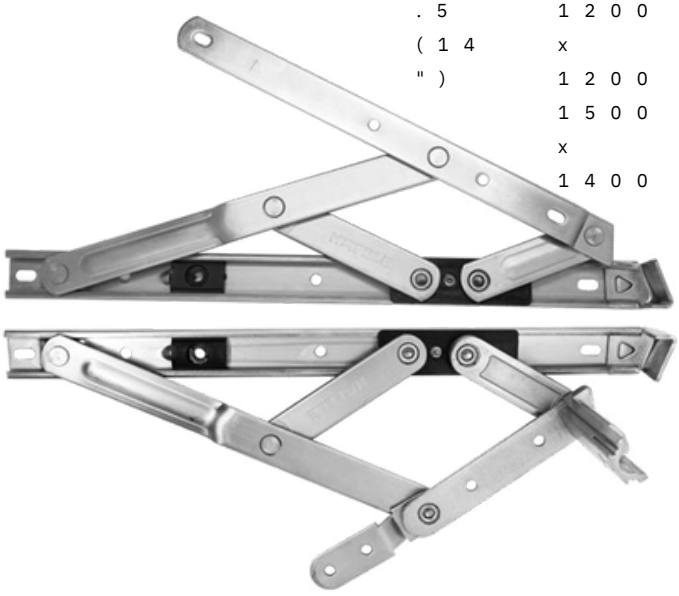


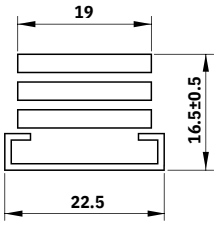
FRICTION STAY BẢN LỀ CHỮ A





Friction stay / Bản lề chữ A						
Description M	Application	Length C (m m	Door dimension K (m m)	Load capacity (kg)	Openning angle G	Art. No. M
Friction stay SUS304 A	Top hung windows C	) 3 0 9 . 5. 462.5 (18")	1 2 0 0 x 8 0 0 1 2 0 0	50 65 82 100		972.05.36 4 972.05.36 5
P Đ		") 3 5 6 . 5 (1 4 ")	x 1 0 0 0 1 2 0 0 x 1 2 0 0 1 5 0 0 x 1 4 0 0			972.05.36 6 972.05.36 7

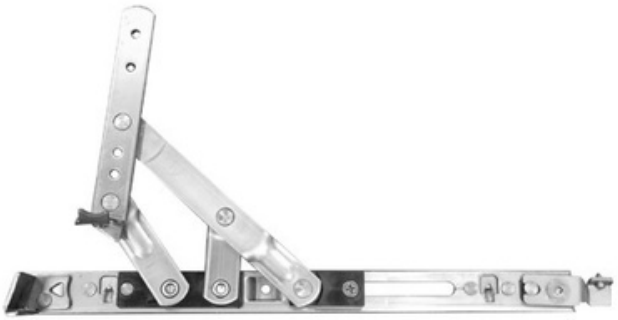




Friction stay / Bản lề chữ A						
Description M	Application	Length C (m m)	Door dimension K (m m)	Load capacity (kg	Openning angle G	Art. No. M
Friction stay SUS304 A	Side hung windows C	2 5 3 . 2 (1 0 " - l e f t) 2 5 3 . 2 (1 0 " - r i g h t) 3 0 9 (1 2 " - l e f t) 3 0 9 (1 2 " - r i g h t)	)	50 50 50 50		972.05.36 9 972.05.37 0
P Đ				50		972.05.37 1 972.05.37 2

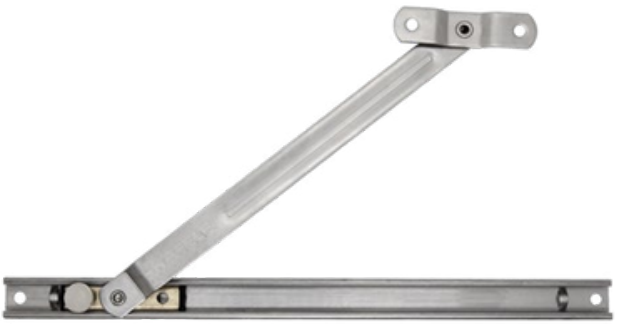
We reserve the right to alter specifications without notice.

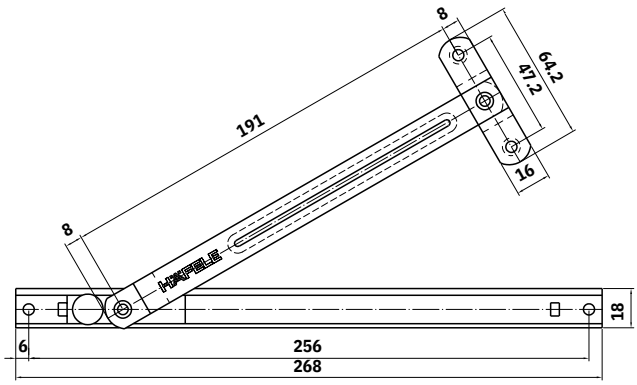
FRICTION STAY BẢN LỀ CHỮ A



Side hung friction stay Bản lề chữ A		
Description	Dimensions K	Art. No. M
M A	W 5 5 0 x H 1 4 0 0 x L 2 5 2 m m	972.05.373
A	H .	
P Đ		972.05.374



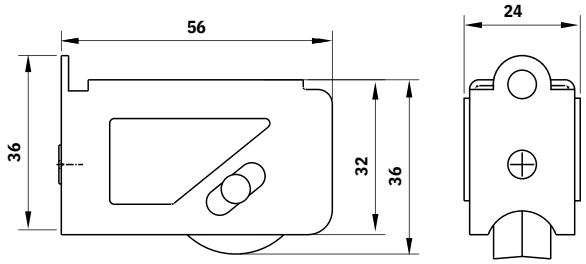




Limitation arm / Thanh hạn vị		
Description M	Length (mm) C	Art. No. M
L i m i t a t i o n a r m	268	972.05.412
P Đ		

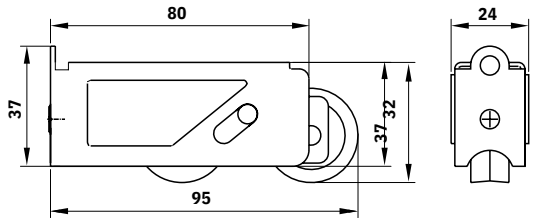
SLIDING CỬA TRƯỢT





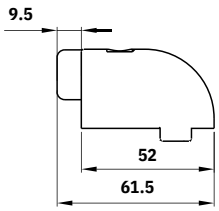
Single roller / Bánh xe đơn				
Description M	Material V		Length (mm) C	Art. No. M
S	S P I N		S a t i n M	941.03.100



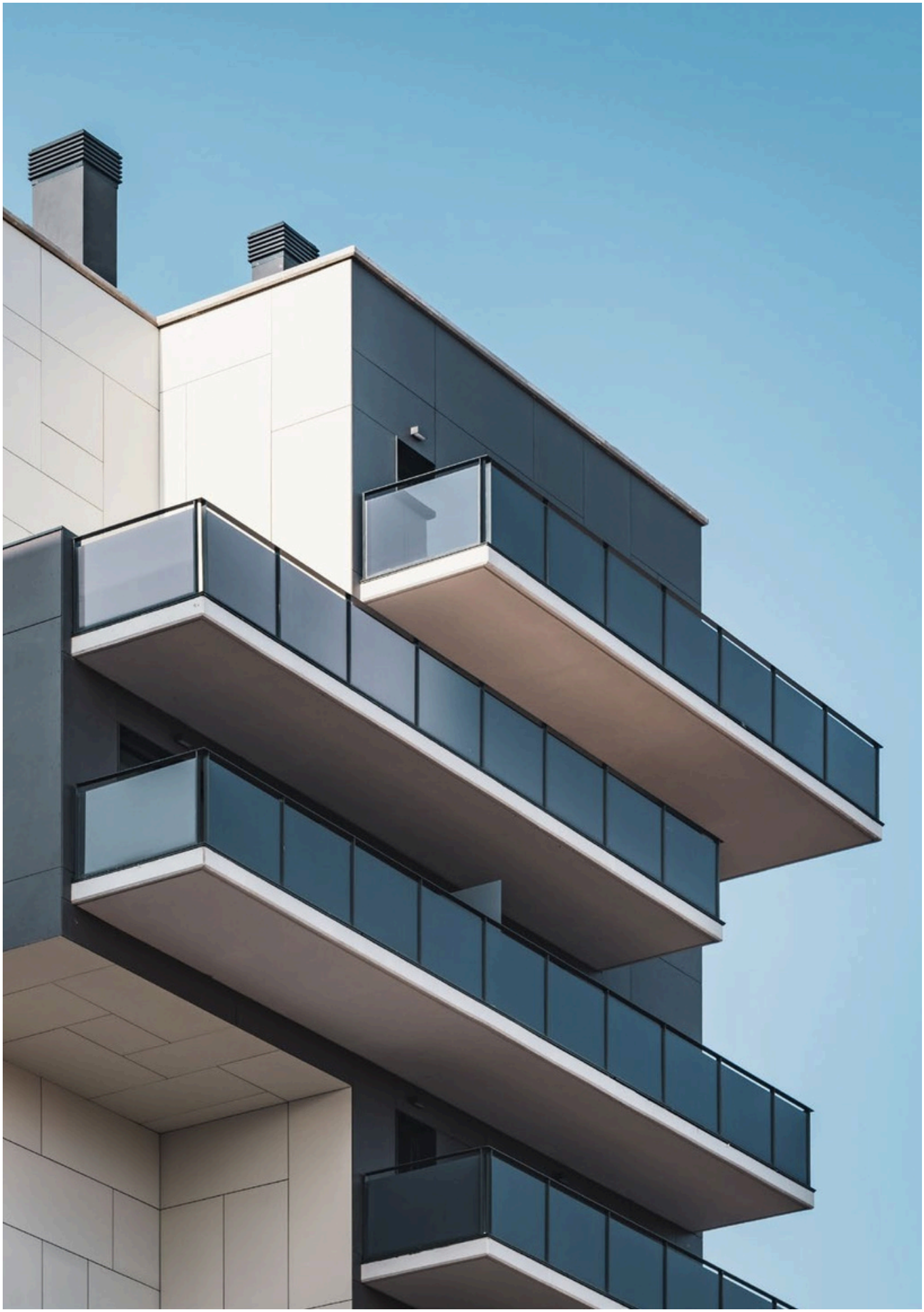


Double roller / Bánh xe đôi				
Description M	Material V		Length (mm) C	Art. No. M
	S P I N		S a t i n M	941.03.101





Sash stop device / Chặn cửa				
Description M	Material V		Length (mm) C	Art. No. M
S a s h s t o p d e v i c e C	P N		Đ	926.98.799



The first 100 years.

HÄFELE

w ww.hafelegroup.com

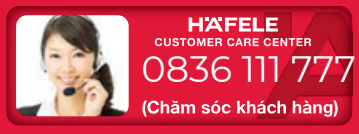
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT CỬA MIỀN NAM

Nhà Phân phối phụ kiện Hafele Chính Hãng

- Trụ sở chính: 1B2 Quốc Lộ 1A, Phường Thạnh Lộc Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
- CN Miền Bắc: Số 52 Phố Vương Thừa Vũ, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
- CN Miền Trung: Số 5 Kim Đôi, Quảng Thành, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế.

Phone: (+84) 836 111 777

Email: hafelegroup@gmail.com



SCAN THE CODES FOR / QUÉT MÃ ĐỂ XEM:

WARRANTY REGISTRATION & POLICY

ĐĂNG KÝ BẢO HÀNH & CHÍNH SÁCH BẢO HÀNH

E-CATALOGUE

CATALOGUE ĐIỆN TỬ

September 2023